

Số: ~~120~~2019 /BIDICO/CBTT

Bình Thuận, ngày 30 tháng 07 năm 2019

Kính gửi: - Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước
- Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội

1. Tên công ty: Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Bảo Thư
2. Mã CK: BII
3. Địa chỉ trụ sở Công ty: Khu phố 11, phường Bình Tân, thị xã Lagi, tỉnh Bình Thuận
4. Điện thoại: (84-62) 3870935 Fax: (84-62) 3871935
5. Người thực hiện công bố thông tin: Ông VÕ PHÚ NÔNG – Chức vụ: Tổng Giám đốc
6. Nội dung của thông tin công bố: Báo cáo tài chính Quý II năm 2019 của Công ty mẹ và hợp nhất báo cáo tài chính Công ty CP Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Bảo Thư.

Nội dung giải trình:

1. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp thay đổi 10% so với cùng kỳ:

Chỉ tiêu	QII 2018	QII 2019	Thay đổi
LNST tại báo cáo công ty mẹ	1.495.001.290	569.408.756	-61,9%
LNST tại báo cáo hợp nhất	-412.758.570	665.897.915	261,3%

Nguyên nhân: Kỳ trước, Công ty mẹ có phát sinh doanh thu cho thuê đất cơ sở hạ tầng cụm công nghiệp làm lợi nhuận của Công ty tăng cao. Kỳ này Công ty mẹ không phát sinh doanh thu từ hoạt động cho thuê đất. Doanh thu, lợi nhuận đến từ hoạt động sản xuất kinh doanh từ các nhà máy nên góp phần làm tăng LNST so với cùng kỳ.

7. Địa chỉ Website đăng tải: http://bidico.com.vn/document/2/Bao_cao_tai_chinh.html

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên.
- Lưu: Phòng ĐT

NGƯỜI ĐẠI DIỆN CBTT
TỔNG GIÁM ĐỐC

Võ Phú Nông

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ
PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BẢO THƯ
VÀ CÁC CÔNG TY CON**
Báo cáo tài chính hợp nhất Quý II/2019

MỤC LỤC

	Trang
1. Bảng cân đối kế toán hợp nhất	1 - 2
2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	3
3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	4
4. Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	5 - 20



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BẢO THỦ

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 30 tháng 06 năm 2019

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2019	01/01/2019
A. Tài sản ngắn hạn	100		502,974,656,768	427,808,995,149
<i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	110		137,493,952	2,117,260,770
1. Tiền	111	V.01	137,493,952	2,117,260,770
<i>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	120		-	-
<i>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</i>	130		492,130,651,273	409,981,095,241
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	37,076,115,114	45,531,918,385
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.03a	289,570,160,157	184,390,664,267
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.04a	166,493,549,580	181,067,686,167
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.05	(3,644,880,411)	(3,644,880,411)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		2,635,706,833	2,635,706,833
<i>IV. Hàng tồn kho</i>	140	V.06	6,129,187,531	4,934,074,231
1. Hàng tồn kho	141		6,417,124,854	5,222,011,554
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(287,937,323)	(287,937,323)
<i>V. Tài sản ngắn hạn khác</i>	150		4,577,324,012	10,776,564,907
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.09a	9,833,925	18,263,019
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		2,860,866,087	9,054,677,888
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.11b	1,706,624,000	1,703,624,000
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154			
5. Tài sản ngắn hạn khác	155			
B. Tài sản dài hạn	200		325,580,737,911	382,441,031,886
<i>I. Các khoản phải thu dài hạn</i>	210		8,367,246,211	63,451,083,011
1. Trả trước cho người bán dài hạn	212	V.03b	9,295,115,521	64,378,952,321
2. Phải thu dài hạn khác	216	V.04b	-	-
3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	V.05	(927,869,310)	(927,869,310)
<i>II. Tài sản cố định</i>	220		72,342,390,968	75,197,228,012
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.07	72,342,390,968	75,197,228,012
- Nguyên giá	222		90,501,504,241	90,501,504,241
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(18,159,113,273)	(15,304,276,229)
<i>III. Bất động sản đầu tư</i>	230		-	-
<i>IV. Tài sản dở dang dài hạn</i>	240		210,410,238,406	208,707,976,155
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.08	210,410,238,406	208,707,976,155
<i>V. Đầu tư tài chính dài hạn</i>	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.12	-	-
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<i>VI. Tài sản dài hạn khác</i>	260		34,460,862,326	35,084,744,708
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.09b	34,460,862,326	35,084,744,708
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		828,555,394,679	810,250,027,035



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BẢO THU
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 30 tháng 06 năm 2019

Đơn vị tính: VND

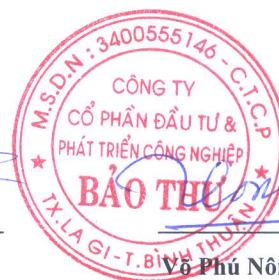
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2019	01/01/2019
C. Nợ phải trả	300		215,771,381,935	193,636,932,999
I. Nợ ngắn hạn	310		189,125,441,898	164,498,391,785
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	25,800,540,879	11,359,346,424
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		91,179,787	103,729,780
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11a	14,262,831,635	18,312,977,571
4. Phải trả người lao động	314		1,619,276,558	1,638,984,461
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.12	67,928,650,007	63,917,640,305
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13	39,741,417,495	29,484,167,707
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.14(*)	39,681,545,537	39,681,545,537
II. Nợ dài hạn	330		26,645,940,037	29,138,541,214
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.14(**)	26,645,940,037	29,138,541,214
D. Vốn chủ sở hữu	400	V.15	612,784,012,744	616,613,094,036
I. Vốn chủ sở hữu	410		612,784,012,744	616,613,094,036
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		576,800,000,000	576,800,000,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		576,800,000,000	576,800,000,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		28,416,254,899	28,401,260,553
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		28,401,260,553	25,096,854,116
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		14,994,346	3,304,406,437
3. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		7,567,757,845	11,411,833,483
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		828,555,394,679	810,250,027,035

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính hợp nhất

Lê Thị Thanh Thảo
 Người lập biểu

Mai Thị Kim Phụng
 Kế toán trưởng

Võ Phú Nông
 Tổng Giám đốc
 Ngày 25 tháng 07 năm 2019



00555
 CÔNG T
 IẢN ĐÀI
 ỂN CÔNG
 O TI
 T. BÌNH

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BẢO THỦ
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2019 đến 30/06/2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	QUÝ II		LŨY KẾ ĐẾN QUÝ II	
			Từ ngày 01/04/2019 đến 30/06/2019	Từ ngày 01/04/2018 đến 30/06/2018	Từ ngày 01/01/2019 đến 30/06/2019	Từ ngày 01/01/2018 đến 30/06/2018
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1		19,445,560,015	33,963,201,165	24,481,797,443	41,665,720,023
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2		-	-	3,940,790	8,613,019
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.01	19,445,560,015	33,963,201,165	24,477,856,653	41,657,107,004
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	12,343,070,825	24,141,289,817	14,309,756,200	31,088,551,734
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		7,102,489,191	9,821,911,348	10,168,100,453	10,568,555,270
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	164,477	2,638,048,387	518,905	8,113,387,753
7. Chi phí tài chính	22	VI.04	4,413,525,858	7,234,178,080	5,689,192,624	4,788,494,171
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1,647,472,415	7,234,178,080	4,413,525,858	4,788,494,171
8. Phần lãi / (lỗ) trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-	-	-
9. Chi phí bán hàng	25	VI.05	9,000,000	428,455	9,000,000	364,390,800
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.06	1,305,656,793	2,141,193,751	2,667,727,419	3,825,597,828
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh / (lỗ)	30		1,374,471,017	3,084,159,449	1,802,699,315	9,703,460,224
12. Thu nhập khác	31		-	348,938,342	450,000	196,299,277
13. Chi phí khác	32		542,098,623	4,266,757,998	1,138,071,104	5,380,429,084
14. Lợi nhuận khác / (lỗ)	40		(542,098,623)	(3,917,819,656)	(1,137,621,104)	(5,184,129,807)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		832,372,393	(833,660,207)	665,078,211	4,519,330,417
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.07	166,474,479	(420,901,637)	133,015,642	149,445,968
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		665,897,915	(412,758,570)	532,062,569	4,369,884,449
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61		-	86,068,388	14,994,346	5,323,604,543
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		-	(498,826,958)	517,068,223	(953,720,093)
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.08	-	1	0	92
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.09	-	1	0	92
					167,294,182	

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính hợp nhất



Lê Thị Thanh Thảo

Người lập biểu



Mai Thị Kim Phương

Kế toán trưởng



Võ Phú Nông

Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 07 năm 2019



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BẢO THỦ

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2019 đến 30/06/2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Quý II/ 2019	Quý II/2018
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	665,078,211	4,519,330,417
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ và BDSĐT	02	2,854,837,044	2,886,939,837
Các khoản dự phòng	03	-	223,091,458
(Lãi) lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(518,905)	(8,112,297,553)
Chi phí lãi vay	06	4,413,525,858	4,788,494,171
Các khoản điều chỉnh khác	07		
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	7,932,922,208	4,305,558,330
(Tăng) giảm các khoản phải thu	09	(20,871,907,431)	(7,970,611,146)
(Tăng) giảm hàng tồn kho	10	(1,195,113,300)	1,203,997,537
Tăng (giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	17,646,389,950	(41,216,201,919)
(Tăng) giảm chi phí trả trước	12	632,311,476	17,512,808,837
Tiền lãi vay đã trả	14	(547,674,594)	(512,973,955)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(1,382,350,604)	-
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	2,214,577,705	(26,677,422,316)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(1,702,262,251)	(194,000,000)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	4,471,220,000
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	518,905	16,903,683,950
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(1,701,743,346)	21,180,903,950
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Tiền thu từ đi vay	33	15,237,398,823	17,730,000,000
Tiền trả nợ gốc vay	34	(17,730,000,000)	(17,822,682,290)
Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(2,492,601,177)	(92,682,290)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(1,979,766,818)	(5,589,200,656)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	2,117,260,770	10,196,348,291
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	137,493,952	4,607,147,635

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính hợp nhất



Lê Thị Thanh Thảo
Người lập biểu



Mai Thị Kim Phượng
Kế toán trưởng



Võ Phú Nông
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 07 năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BẢO THƯ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2019 đến 30/06/2019

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất được đính kèm.

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư & Phát triển Công nghiệp Bảo Thư ("Công ty") hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp với mã số 3400555146 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Thuận cấp lần đầu ngày 29/5/2008 và đăng ký thay đổi đến lần thứ 20 ngày 18/5/2018.

Cổ phiếu của Công ty đã được chính thức giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã cổ phiếu là BII kể từ ngày 29 tháng 8 năm 2014 theo Quyết định về việc chấp thuận niêm yết cổ phiếu số 467/QĐ-SGDHN ngày 29/8/2014 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Hình thức sở hữu vốn: Vốn cổ phần.

Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là: Công ty là 576,8 tỷ đồng

Công ty có tên giao dịch quốc tế là: Bao Thu Industrial Development and Investment Joint Stock Company. Tên viết tắt: BIDICO.

Trụ sở chính đặt tại: Khu phố 11, phường Bình Tân, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam.

Chi nhánh tại TP.HCM và Chi nhánh Đồng Nai.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Khai thác - sản xuất - thương mại - dịch vụ - xây dựng.

3. Ngành nghề kinh doanh

Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt (khai thác, chế biến khoáng sản); Bốc xếp hàng hóa; Xây dựng nhà các loại; Phá dỡ; Chuẩn bị mặt bằng; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Bán buôn gạo; Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác; Bán buôn tổng hợp; Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa; Sản xuất đồ gỗ xây dựng; Khai thác gỗ; Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; Sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tét bện; Trồng rừng và chăm sóc rừng; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (đầu tư hạ tầng khu công nghiệp, cảng biển; Nạo vét, khai thông luồng lạch); Bán buôn cao su, phân bón, hóa chất (trừ bán buôn thuốc BVTV); Bán buôn đá quý, đá bán quý, đá mỹ nghệ; Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống; Bán buôn máy tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Cho thuê xe có động cơ; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy; Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ (XD công trình đường bộ); Xây dựng công trình công ích (XD công trình thủy lợi); Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (bán buôn VLXD, vật liệu làm gốm sứ); Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (Đại lý vận tải biển); Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan; Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác (cho thuê MMTB xây dựng);

Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Bán buôn MMTB và phụ tùng máy khác (bán buôn MMTB và phụ tùng máy xe cơ giới; bán buôn thiết bị tàu thuyền); Đóng tàu và cấu kiện nổi (đóng tàu, sửa chữa tàu thuyền); Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác; Bán buôn thực phẩm (bán buôn thủy sản); Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép; Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác (sản xuất cát, đá); Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự); Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

- Đối với hoạt động xây dựng và cho thuê cơ sở hạ tầng khu công nghiệp: trên 12 tháng

- Đối với hoạt động khác: trong vòng 12 tháng

5. Cấu trúc Tập đoàn



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BẢO THƯ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2019 đến 30/06/2019

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

- Số lượng các Công ty con được hợp nhất: 7 Công ty.

Danh sách các Công ty con được hợp nhất

Tên Công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH MTV Chế biến Cát Bình Thuận	CCN Thắng Hải, xã Thắng Hải, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận	Khai thác, sản xuất, thương mại, và dịch vụ	100.00%	100.00%
Công ty TNHH MTV BĐS và XD Bình Thuận	Cụm CN Thắng Hải, xã Thắng Hải, huyện Hàm Tân, Bình Thuận	Xây dựng, thương mại và dịch vụ	100.00%	100.00%
Công ty TNHH MTV Công nghiệp Gỗ Bình Thuận	Thôn Bàu Diên (Cụm CN Thắng Hải), xã Thắng Hải, huyện Hàm Tân, Bình Thuận	Sản xuất, thương mại và dịch vụ	76.19%	76.19%
Công ty TNHH MTV VLXD BIDICO	Cụm CN Thắng Hải, xã Thắng Hải, huyện Hàm Tân, Bình Thuận	Sản xuất, thương mại và dịch vụ	100.00%	100.00%
Công ty TNHH Địa ốc Tân Bửu	BN2 - KL15, Khu dân cư phường Thống Nhất, phường Thống Nhất, TP Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai	Dịch vụ	94.34%	94.34%
Công ty TNHH Kỹ Nghệ Gỗ Lam Sơn	KCN Phú Mỹ 1, Thị Trấn Phú Mỹ, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu	Sản xuất, thương mại và dịch vụ	51.00%	51.00%
Công ty TNHH MTV KD Hạ tầng Bảo Thư Trị An	BN2 - KL15, Khu dân cư phường Thống Nhất, phường Thống Nhất, TP Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai	Bất động sản	100.00%	100.00%

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Kỳ kế toán năm: bắt đầu từ ngày 01/01 kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng theo Hệ thống Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

Công ty đã lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất theo hướng dẫn tại Thông tư số 202/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Các Báo cáo tài chính đính kèm được trình bày theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

3400E
CÔNG
PHẦN
TRIỂN C
ẢO
T.T.B

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BẢO THƯ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2019 đến 30/06/2019

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

1. Hợp nhất báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Bảo Thư và các Công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2018. Các báo cáo tài chính của các Công ty con đã được lập cho cùng năm/thời kỳ tài chính với Công ty theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Công ty. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các Công ty con và Công ty.

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp không thể thu hồi chi phí.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi các cổ đông của Công ty và được trình bày ở mục riêng trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Công ty con được hợp nhất kể từ ngày Công ty nắm quyền kiểm soát và sẽ chấm dứt hợp nhất kể từ ngày Công ty không còn kiểm soát công ty con đó. Trong trường hợp Công ty không còn kiểm soát Công ty con thì các báo cáo tài chính hợp nhất sẽ bao gồm cả kết quả hoạt động kinh doanh của giai đoạn thuộc năm báo cáo mà trong giai đoạn đó Công ty vẫn còn nắm quyền kiểm soát.

Báo cáo tài chính của các Công ty con thuộc đối tượng hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo phương pháp cộng giá trị sổ sách. Báo cáo tài chính của công ty con khác được hợp nhất vào báo cáo của Nhóm Công ty theo phương pháp mua, theo đó tài sản và nợ phải trả được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

2. Đầu tư vào Công ty liên kết

Đầu tư vào Công ty liên kết được phản ánh theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là một đơn vị mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể và đơn vị đó không phải là một Công ty con hay một liên doanh.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, đầu tư vào Công ty liên kết được phản ánh trong bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc cộng với giá trị thay đổi trong tài sản thuần của Công ty liên kết tương ứng với tỷ lệ vốn mà Nhóm Công ty nắm giữ. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được bao gồm trong giá trị sổ sách của khoản đầu tư và được phân bổ trong thời gian 10 năm.

Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất phản ánh phần kết quả hoạt động của Công ty liên kết tương ứng với tỷ lệ vốn mà Nhóm Công ty nắm giữ. Khi có các khoản được ghi trực tiếp vào các tài khoản thuộc vốn chủ sở hữu của Công ty liên kết, Nhóm Công ty ghi nhận phần tỉ lệ của mình, khi thích hợp, vào các tài khoản thuộc nguồn vốn sở hữu tương ứng của Nhóm Công ty. Lãi hoặc lỗ chưa thực hiện từ các giao dịch giữa Nhóm Công ty với Công ty liên kết sẽ được loại trừ tương ứng với phần lợi ích trong Công ty liên kết.

Các báo cáo tài chính của Công ty liên kết được lập cùng năm tài chính với Công ty. Khi cần thiết, các điều chỉnh sẽ được thực hiện để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với chính sách kế toán của Công ty.

3. Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý vào ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh đều ghi nhận theo giá trị hợp lý vào ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh nhỏ hơn phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý thuần của tài sản trong công ty con được mua thì chênh lệch này được ghi nhận trực tiếp vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là tối đa không quá mười năm.

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

5514
C TY
ĐẦU T
CÔNG NG
TH
NH T

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BẢO THỦ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2019 đến 30/06/2019

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới ba tháng, vàng các loại không được sử dụng như hàng tồn kho, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

5. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu.

Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán;

Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Các khoản phải thu có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là tài sản ngắn hạn.

Các khoản phải thu có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được phản ánh vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

6. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ chi phí bán hàng ước tính và sau khi đã lập dự phòng cho hàng hư hỏng, lỗi thời và chậm luân chuyển.

- Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: bình quân gia quyền.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho: được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị có thể xảy ra đối với vật tư, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được kết chuyển vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

7. Nguyên tắc ghi nhận và các khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản. Tỷ lệ khấu hao áp dụng theo tỷ lệ quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài Chính.

Nhà cửa vật kiến trúc	05 - 25 năm
Máy móc thiết bị	05 - 20 năm
Phương tiện vận tải	03 - 06 năm
Dụng cụ quản lý	03 năm
Thiết bị quản lý	10 - 20 năm
Quyền sử dụng đất	Theo thời hạn thuê

Hợp đồng thuê tài chính



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BẢO THỦ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2019 đến 30/06/2019

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Tài sản theo hợp đồng thuê tài chính được vốn hoá trên bảng cân đối kế toán tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản theo giá trị hợp lý của tài sản thuê hoặc, nếu thấp hơn, theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản tiền gốc trong các khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được hạch toán như khoản nợ phải trả. Khoản tiền lãi trong các khoản thanh toán tiền thuê được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ trong suốt thời gian thuê tài sản nhằm phản ánh tỷ lệ lãi suất bình ổn phát sinh trên số dư còn lại của khoản nợ thuê tài chính phải trả.

Tài sản thuê tài chính đã được vốn hoá được trích khấu hao theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian sử dụng ước tính hoặc theo thời hạn thuê tài sản, nếu có cam kết là bên thuê sẽ không được chuyển giao quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê.

8. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước để phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động SXKD của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí SXKD của các kỳ kế toán sau.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Chi phí quyền khai thác khoáng sản cát tận thu tại CCN Thăng Hải 2
- Chi phí liên quan đến mỏ cát trắng Tân Phước chờ phân bổ
- Chi phí công cụ dụng cụ và chi phí khác chờ phân bổ

9. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hoá dịch vụ;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là nợ ngắn hạn

Các khoản phải trả có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là nợ dài hạn

10. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc không bao gồm các chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến khoản vay. Công ty trình bày chi tiết các khoản vay và nợ thuê tài chính theo kỳ hạn phải trả, các khoản vay và nợ có thời gian trả nợ dưới 12 tháng kể từ thời điểm lập báo cáo tài chính được trình bày vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn, trường hợp ngược lại thì trình bày vay và nợ thuê tài chính dài hạn.

11. Lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp

Tiền lương được tính toán và trích lập đưa vào chi phí trong kỳ dựa theo hợp đồng lao động. Theo đó, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp cũng được trích lập với tỷ lệ là 25,5%, 4,5% và 2% tương ứng tiền lương của người lao động. Tỷ lệ 21,5% sẽ được đưa vào chi phí bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp trong kỳ; và 10,5% sẽ được trích từ lương của người lao động.

12. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty.

Chi phí đi vay được hạch toán vào chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm phát sinh, trừ các khoản chi phí lãi vay được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể được vốn hóa vào nguyên giá tài sản khi đáp ứng đủ các điều kiện vốn hóa. Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ được tạm ngưng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

13. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BẢO THỦ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2019 đến 30/06/2019

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã thanh toán hoặc nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

14. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp ban đầu của chủ sở hữu.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế được chia cho các cổ đông sau khi được các cổ đông thông qua tại Đại hội Cổ đông Thường niên và sau khi trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty và các quy định pháp luật Việt Nam.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cho thuê cơ sở hạ tầng khu công nghiệp được ghi nhận một lần khi đồng thời thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Bên đi thuê không có quyền hủy ngang hợp đồng thuê và Công ty cho thuê không có nghĩa vụ phải trả lại số tiền đã nhận trước trong mọi trường hợp và dưới mọi hình thức;
- Số tiền nhận trước từ việc cho thuê không nhỏ hơn 90% tổng số tiền cho thuê dự kiến thu được theo hợp đồng trong suốt thời hạn cho thuê và bên đi thuê phải thanh toán toàn bộ số tiền thuê trong vòng 12 tháng kể từ thời điểm khởi đầu thuê tài sản;
- Hầu như toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuê đã chuyển giao cho bên đi thuê;
- Công ty cho thuê phải ước tính được tương đối đầy đủ giá vốn của hoạt động cho thuê.

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia của công ty được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận trên cơ sở: Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ; Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Thu nhập khác: bao gồm các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu.

16. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ.

17. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến chi phí đi vay vốn, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn

18. lại

Nhóm Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên thu nhập chịu thuế. Thu nhập chịu thuế được tính dựa trên kết quả hoạt động trong năm và điều chỉnh cho các khoản chi phí không được khấu trừ và các khoản lỗ do các năm trước mang sang, nếu có.

Ngoài thuế thu nhập doanh nghiệp, Nhóm Công ty có nghĩa vụ nộp các khoản thuế khác theo các quy định về thuế hiện hành.

Khoản thuế phải nộp thể hiện trên sổ sách kế toán là số liệu do Công ty ước tính. Số thuế phải nộp cụ thể sẽ được ghi nhận theo kiểm tra quyết toán thuế của cơ quan thuế.



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BẢO THỦ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2019 đến 30/06/2019

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, sử dụng các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày lập Bảng cân đối kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập Bảng cân đối kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

19. Bên liên quan

Một bên được xem là có liên quan đến Công ty nếu có khả năng kiểm soát Công ty hay có ảnh hưởng đáng kể tới các hoạt động cũng như tài chính của Công ty. Các giao dịch chủ yếu giữa Công ty và các bên liên quan, nếu có, sẽ được trình bày trong các báo cáo tài chính.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất

	30/06/2019	01/01/2019
1. Tiền		
Tiền mặt	48,655,827	20,133,154
Tiền gửi ngân hàng	88,838,125	2,097,127,616
Cộng	137,493,952	2,117,260,770
2. Phải thu của khách hàng ngắn hạn	30/06/2019	01/01/2019
- Công ty TNHH MTV Plastic Makellos	3,304,639,447	
- Công ty TNHH MTV Cát Tường	-	2,989,994,000
- Công ty TNHH Thương mại SMS	6,380,000,000	6,380,000,000
- Công ty TNHH Nguyên liệu Gốm Sứ - Xây dựng Thiên Lợi	-	7,129,760,916
- Công ty Cổ Phần Hiệp Phú	181,852,337	-
- Công ty TNHH Kinh doanh vật liệu xây dựng Tân Cang	21,158,796,600	-
- Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Minh Hiền	1,967,583,400	1,967,583,400
- Trung tâm Quy hoạch và Đầu tư Tài nguyên Nước	463,829,000	-
- DNTN Hạ Tiến	3,520,400,000	3,520,400,000
- Ông Nguyễn Trường San	-	22,094,500,000
- Các khoản phải thu khách hàng khác	99,014,330	1,449,680,069
Cộng	37,076,115,114	45,531,918,385
3. Trả trước cho người bán	30/06/2019	01/01/2019
a) Ngắn hạn		
- Công ty TNHH MTV Cát Tường	49,000,000,800	-
- Công ty TNHH DV VT XD Á Châu	-	-
- Công ty TNHH Nguyên liệu Gốm Sứ - Xây dựng Thiên Lợi	77,005,000,000	77,805,000,000
- Công ty TNHH Kinh doanh vật liệu xây dựng Tân Cang	31,017,904,500	-
- Công ty TNHH Địa ốc Bình An	90,000,000,000	90,000,000,000
- Công ty TNHH Vận tải Thăng Hải	-	8,325,507,385
- Công ty TNHH VLXD Phước Bình	4,400,000,000	-
- Công ty TNHH Vận tải và Xây lắp Phan Nguyễn	-	-
- Công ty TNHH XD - TM - Vũ Ngô	2,450,000,000	-
- Trả trước nhà cung cấp khác	35,697,254,857	8,260,156,882
Cộng	289,570,160,157	184,390,664,267

4005
CÔNG
HÀNH
KIỂM
10'
-T.BI

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BẢO THỦ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2019 đến 30/06/2019

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

3. Trả trước cho người bán (tiếp theo)	30/06/2019	01/01/2019
b) Dài hạn		
- Trung tâm Quy hoạch và Đầu tư Tài nguyên Nước	1,265,000,000	1,265,000,000
- Công ty TNHH DV VT XD Á Châu	4,844,717,211	4,844,717,211
- Công ty TNHH Vận tải và Xây lắp Phan Nguyễn	2,658,700,000	2,658,700,000
- Công ty TNHH VLXD Phước Bình	-	4,400,000,000
- Công ty TNHH TM VLXD và XL Kim Châu	-	1,100,000,000
- Công ty TNHH MTV Cát Tường	-	49,000,000,800
- Trả trước nhà cung cấp khác	526,698,310	1,110,534,310
Cộng	9,295,115,521	64,378,952,321

4. Phải thu khác	30/06/2019	01/01/2019
a) Ngắn hạn		
- Phải thu Công ty TNHH Đầu tư Nam Việt Quốc liên quan đến các khoản nhận chuyển nhượng cổ phần	14,423,404,500	14,423,404,500
- Các khoản cho mượn tiền đến các tổ chức và cá nhân	25,492,500,000	-
- Ký quỹ, đặt cọc ngắn hạn	63,000,000	63,000,000
- Các khoản tạm ứng	123,021,151,831	131,213,853,986
- Phải thu khác	3,493,493,249	35,367,427,681
Cộng	166,493,549,580	181,067,686,167
b) Dài hạn		
- Khoản ký quỹ cho Hợp đồng thuê tài	-	-
Cộng	-	-

5. Nợ xấu	Đối tượng nợ	30/06/2019		01/01/2019	
		Nợ gốc	Giá trị có thể thu hồi	Nợ gốc	Giá trị có thể thu hồi
- C Khoản phải thu khó có khả năng thu hồi quá hạn thanh toán từ 1-2 năm	Các đối tượng khác	3,520,400,000	3,534,688,000	6,285,457,745	2,897,502,024
- Các khoản phải thu quá hạn trên 03 năm	Trung tâm QH và ĐT Tài Nguyên Nước	463,829,000	-	463,829,000	-
	Các đối tượng khác	2,246,752,000	-	-	-
- Các khoản trả trước người bán quá hạn trên 03 năm	Trung tâm QH và ĐT Tài Nguyên Nước	1,265,000,000	863,829,000	1,265,000,000	863,829,000
	Các đối tượng khác	319,794,000	-	319,794,000	-

55146
 CÔNG TY
 ĐẦU TƯ
 CÔNG NGHIỆP
 BẢO THỦ
 NH THỦ

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BẢO THỦ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2019 đến 30/06/2019

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Cộng	7,815,775,000	4,398,517,000	8,334,080,745	3,761,331,024
-------------	----------------------	----------------------	----------------------	----------------------

6. Hàng tồn kho	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Hàng mua đang đi đường	4,329	-	4,329	-
- Nguyên liệu, vật liệu	327,273,356	(24,701,600)	1,693,185,776	(24,701,600)
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	226,156,076	(216,602,735)	1,623,781,648	(216,602,735)
- Thành phẩm	1,740,322,919	(46,632,988)	1,905,039,801	(46,632,988)
- Hàng hóa	4,123,368,174	-	-	-
Cộng	6,417,124,854	(287,937,323)	5,222,011,554	(287,937,323)

7. Tài sản cố định hữu hình	Nhà cửa, Vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý và TSCĐ khác	Cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	34,094,498,925	49,042,854,340	3,994,009,999	3,370,140,977	90,501,504,241
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	34,094,498,925	49,042,854,340	3,994,009,999	3,370,140,977	90,501,504,241
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	5,592,364,216	6,955,813,732	1,960,060,627	796,037,654	15,304,276,229
Khấu hao trong kỳ	1,011,340,034	1,357,780,877	369,793,199	115,922,934	2,854,837,044
Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	6,603,704,250	8,313,594,609	2,329,853,826	911,960,588	18,159,113,273
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	28,502,134,709	42,087,040,608	2,033,949,372	2,574,103,323	75,197,228,012
Tại ngày cuối kỳ	27,490,794,675	40,729,259,731	1,664,156,173	2,458,180,389	72,342,390,968

TSCĐ giảm trong kỳ do không còn hợp nhất Công ty con.

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	30/06/2019	01/01/2019
Nhà máy Cát	4,226,374,464	-
Cụm công nghiệp Thăng Hải I	9,737,090,442	9,737,090,442
Cụm công nghiệp Thăng Hải II	91,903,844,157	91,903,844,157
Cụm công nghiệp Tân Bình	19,152,757,147	17,612,494,896
Khu chuyển tải Lagi - Bình Thuận	67,934,488,007	67,934,488,007



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BẢO THƯ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2019 đến 30/06/2019

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Chi phí đầu tư xây dựng nhà xưởng và văn phòng	7,815,295,196	7,815,295,196
Mua sắm máy móc thiết bị	4,072,625,735	4,072,625,735
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang khác	5,567,763,258	9,632,137,722
Cộng	210,410,238,406	208,707,976,155

9. Chi phí trả trước		30/06/2019	01/01/2019
a) Ngắn hạn		9,833,925	18,263,019
- Công cụ dụng cụ và chi phí khác chờ phân bổ		9,833,925	18,263,019
b) Dài hạn			
- Chi phí liên quan đến mỏ cát trắng Tân Phước chờ phân bổ	(*)	8,370,313,072	8,370,313,072
- Chi phí quyền khai thác khoáng sản cát tận thu tại CCN Thăng Hải 2		304,287,056	304,287,056
- Quyền sử dụng đất chờ phân bổ	(**)	25,389,640,779	25,651,091,198
- Chi phí trả trước khác chờ phân bổ		396,621,419	759,053,382
Cộng		34,460,862,326	35,084,744,708

(*) Bao gồm chi phí ban đầu là 7.000.060.927 đồng và tiền cấp quyền khai thác khoáng sản còn phân bổ là 904.366.145 đồng. Công ty thực hiện khai thác cát trắng tại xã Tân Phước, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận theo Giấy phép khai thác khoáng sản số 3247/GP-BTNMT ngày 31/12/2014. Thời gian khai thác: 7 năm kể từ ngày cấp Giấy phép, trong đó thời gian xây dựng cơ bản mở là 01 năm. Trong thời kỳ tài chính này, Công ty chưa triển khai khai thác do chưa hoàn tất thủ tục pháp lý.

(**) Quyền sử dụng đất chờ phân bổ bao gồm:

- Giá trị quyền sử dụng đất trả tiền thuê đất một lần, là phần góp vốn của Công ty CP Đầu tư và Phát triển Công Nghiệp Bảo Thư vào Công ty, tại xã Thăng Hải, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận với diện tích 41.982 m2, với thời hạn sử dụng đất đến 14/9/2059, giá trị còn lại chờ phân bổ đến ngày 30/06/2019 là 10.802.051.692 đồng.

- Chi phí thuê đất tại thửa đất số 370, tờ khai bản đồ số 230 với diện tích 26.880m2 tại Xã Thăng Hải, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận đến ngày 14/9/2059 theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số BY 629557 ngày 28/12/2015 từ Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Thuận, giá trị còn lại chờ phân bổ đến ngày 30/06/2019 là 6.853.354.709 đồng. Quyền sử dụng đất này đã được cầm cố và thế chấp tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn để đảm bảo các khoản vay ngắn và dài hạn.

- Chi phí thuê đất trả trước với tổng diện tích 31.237 m2 tại xã Thăng Hải, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận đến ngày 14 tháng 9 năm 2059. Công ty đã đạt được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có thời hạn của lô đất này, giá trị còn lại chờ phân bổ đến ngày 30/06/2019 là 7.734.234.378 đồng.

10. Phải trả người bán ngắn hạn	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- Công ty TNHH MTV Máy móc Nam Anh	2,345,268,960	2,345,268,960	2,345,268,960	2,345,268,960
- Công ty CP Dịch vụ XNK Nhật Minh	2,000,000,000	2,000,000,000	2,000,000,000	2,000,000,000
- Công ty TNHH XNK T&G Trường	-	-	-	-
- Công Ty TNHH Hoàng Uyên	-	-	634,961,568	634,961,568
- Công Ty TNHH Xây Dựng Thương Mại Costa	8,250,760,000	8,250,760,000	-	-
- Công ty CP ĐT và PT CN Bảo Thư	4,886,338,028	4,886,338,028	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BẢO THỦ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2019 đến 30/06/2019

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

- Phải trả cho các đối tượng khác	8,318,173,891	8,318,173,891	6,379,115,896	6,379,115,896
Cộng	25,800,540,879	25,800,540,879	11,359,346,424	11,359,346,424

11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

a) Phải nộp	01/01/2019	Số phải nộp trong		30/06/2019
		kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	
- Thuế GTGT	6,038,701	1,472,331,897	1,396,699,041	81,671,557
- Thuế TNDN	2,003,959,194	318,312,346	1,382,350,604	939,920,936
TNCN	2,690,462,861	948,129,088	307,921,768	3,330,670,181
- Thuế tài nguyên,	2,530,894,200	3,000,000	2,447,532,130	86,362,070
- Thuế bảo vệ môi trường	864,911,543	39,118,609	886,697,769	17,332,383
- Các khoản tiền phạt thuế	10,216,711,072	-	409,836,564	9,806,874,508
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	-	-
Cộng	18,312,977,571	2,780,891,940	6,831,037,876	14,262,831,635

11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

b) Phải thu	01/01/2019	Số phải nộp trong		30/06/2019
		kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	
- Thuế GTGT	700,000,000	-	-	700,000,000
- Thuế xuất khẩu	3,624,000	-	-	3,624,000
- Thuế khác nộp dư	-	-	3,000,000	3,000,000
- Ứng tiền thi công hệ thống đèn chiếu sáng và hệ thống thoát nước ngoài hàng rào KCN Thăng Hải	1,000,000,000	-	-	1,000,000,000
Cộng	1,703,624,000	-	3,000,000	1,706,624,000

12. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/06/2019	01/01/2019
- Chi phí thi công CSHT tại KCN Thăng Hải I liên quan đến phần diện tích đã chuyển nhượng	13,624,193,481	13,624,193,481
- Chi phí thi công CSHT tại KCN Thăng Hải II liên quan đến phần diện tích đã chuyển nhượng	23,779,248,760	23,779,248,760
- Chi phí thi công CSHT tại CCN Tân Bình liên quan đến phần diện tích đã chuyển nhượng	1,992,792,339	1,992,792,339
- Tiền thuê đất CCN Thăng Hải I và II phải trả	15,661,800,000	15,661,800,000
- Chi phí lãi vay phải trả	11,361,299,063	7,495,447,799
- Chi phí dịch vụ phải trả khác	1,509,316,364	1,364,157,926
Cộng	67,928,650,007	63,917,640,305

13. Phải trả ngắn hạn khác

	30/06/2019	01/01/2019
- Tài sản thừa chờ xử lý	159,609,523	151,928,883
- Bảo hiểm bắt buộc phải nộp	254,579,583	160,481,353
- Thuế GTGT phải nộp bổ sung liên quan đến phần diện tích đất đã cho thuê	5,102,019,861	5,102,019,861
- Phải trả nhà cung cấp liên quan các khoản chưa nhận được hóa đơn	-	-
- Phải trả Bà Nguyễn Thị Mai liên quan đến khoản tiền mượn	1,540,859,553	128,000,000
- Phải trả Ông Nguyễn Văn Dũng liên quan đến khoản tiền mượn	435,000,000	435,000,000
- Phải trả tiền mượn từ các tổ chức và cá nhân khác	26,005,926,898	15,792,900,000
- Phải nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản mỏ cát trắng Tân Phước	1,312,192,000	1,312,192,000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BẢO THỦ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2019 đến 30/06/2019

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

- Các khoản phải trả, phải nộp khác	11,106,461,960	6,401,645,610
Cộng	45,916,649,378	29,484,167,707

14. Vay và nợ thuê tài	01/01/2019		Trong kỳ		30/06/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn						
Gồm	21,951,545,537	21,951,545,537	-	-	21,951,545,537	21,951,545,537
- Nợ ngắn hạn của công nghiệp và Phát triển Nông thôn	17,730,000,000	17,730,000,000	17,730,000,000	17,730,000,000	17,730,000,000	17,730,000,000
- Nợ dài hạn đến hạn trả	-	-	-	-	-	-
Cộng	39,681,545,537	39,681,545,537	17,730,000,000	17,730,000,000	39,681,545,537	39,681,545,537
Vay dài hạn						
Gồm	23,538,541,214	23,538,541,214	-	-	23,538,541,214	23,538,541,214
- Nợ dài hạn đến hạn trả	5,600,000,000	5,600,000,000	-	2,492,601,177	3,107,398,823	3,107,398,823
- Nợ thuê tài chính tại VILC	-	-	-	-	-	-
Cộng	29,138,541,214	29,138,541,214	-	2,492,601,177	26,645,940,037	26,645,940,037

15. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	01/01/2018	Số phát sinh tăng	Số phát sinh giảm	30/06/2018
	Vốn góp của chủ sở hữu	576,800,000,000	-	-
LNST chưa phân phối	25,458,299,938	3,304,406,437	361,445,822	28,401,260,553
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	13,064,086,782	(449,224,676)	1,203,028,623	11,411,833,483
Cộng	615,322,386,720	2,855,181,761	1,564,474,445	616,613,094,036

	01/01/2019	Số phát sinh tăng	Số phát sinh giảm	30/06/2019
	Vốn góp của chủ sở hữu	576,800,000,000	-	-
LNST chưa phân phối	28,401,260,553	14,994,346	-	28,416,254,899
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	11,411,833,483	517,068,223	4,361,143,861	7,567,757,845
Cộng	616,613,094,036	532,062,569	4,361,143,861	612,784,012,744

b) Cổ phiếu

	30/06/2019	01/01/2019
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	57,680,000	57,680,000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	57,680,000	57,680,000
+ Cổ phiếu phổ thông	57,680,000	57,680,000
+ Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	57,680,000	57,680,000
+ Cổ phiếu phổ thông	57,680,000	57,680,000
+ Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:	10.000 đồng/cp	10.000 đồng/cp

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BẢO THỦ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2019 đến 30/06/2019

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán hợp nhất

Ngoại tệ các loại:	30/06/2019	01/01/2019
- USD	426.96	426.96
Nợ khó đòi đã xử lý	-	-

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	6 tháng đầu năm 2019	6 tháng đầu năm 2018
- Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm	21,477,579,764	14,575,507,089
- Doanh thu hoạt động cho thuê đất	3,004,217,679	27,090,212,934
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	-
Cộng doanh thu	24,481,797,443	41,665,720,023
- Các khoản giảm trừ doanh thu		
+ Chiết khấu thương mại	(3,940,790)	(8,613,019)
Cộng	24,477,856,653	41,657,107,004
2. Giá vốn hàng bán	6 tháng đầu năm 2019	6 tháng đầu năm 2018
- Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm đã bán	14,309,756,200	13,561,804,540
- Giá vốn hoạt động cho thuê đất	-	16,024,536,186
- Giá vốn cung cấp dịch vụ	-	1,750,286,924
- Chi phí (hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(248,075,916)
Cộng	14,309,756,200	31,088,551,734
3. Doanh thu hoạt động tài chính	6 tháng đầu năm 2019	6 tháng đầu năm 2018
- Lãi tiền gửi ngân hàng	518,905	1,022,427
- Lãi ứng tiền trước	-	5,328,750,000
- Cổ tức, lợi nhuận được chia từ công ty con	-	2,783,547,553
- Lãi chênh lệch tỷ giá	-	67,773
Cộng	518,905	8,113,387,753
4. Chi phí tài chính	6 tháng đầu năm 2019	6 tháng đầu năm 2018
- Chi phí lãi vay, lãi thuê tài chính	4,413,525,858	4,788,494,171
- Dự phòng đầu tư tài chính	1,275,666,766	-
Cộng	5,689,192,624	4,788,494,171
5. Chi phí bán hàng	6 tháng đầu năm 2019	6 tháng đầu năm 2018
- Chi phí nhân viên	-	-
- Chi phí dịch vụ mua ngoài (chủ yếu là chi phí vận chuyển)	9,000,000	359,252,345
- Chi phí khác bằng tiền	-	5,138,455
Cộng	9,000,000	364,390,800

005
 CÔNG
 IẢN Đ
 ỀNCỒI
 07
 T. BÌN

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BẢO THƯ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2019 đến 30/06/2019

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

	6 tháng đầu năm 2019	6 tháng đầu năm 2018
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
- Chi phí nhân viên quản lý	1,376,012,494	1,514,888,544
- Chi phí vật liệu quản lý, dụng cụ văn phòng	9,397,094	86,064,656
- Chi phí khấu hao TSCĐ	326,716,836	354,357,144
- Thuế, phí và lệ phí	28,683,500	17,180,000
- Chi phí dự phòng	-	471,167,374
- Chi phí dịch vụ mua ngoài (chủ yếu chi phí tiền điện, bảo vệ, thuê văn phòng, chi phí tư vấn,...)	388,284,958	922,040,675
- Chi phí khác bằng tiền	538,632,537	459,899,435
Cộng	2,667,727,419	3,825,597,828
7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phát sinh tại:		
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Bảo Thư	-	-
- Công ty TNHH MTV Chế biến Cát Bình Thuận	133,015,642	149,445,968
- Công ty TNHH Công nghiệp Gỗ Bình Thuận	-	-
Cộng	133,015,642	149,445,968
8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (lỗ)	14,994,346	5,323,604,543
Các khoản điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (lỗ)	14,994,346	5,323,604,543
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	57,680,000	57,680,000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (lỗ)	0	92
9. Lãi suy giảm trên cổ phiếu		
- Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông công ty mẹ sở hữu cổ phần phổ thông	14,994,346	5,323,604,543
- Lãi của trái phiếu chuyển đổi	-	-
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông sau khi đã điều chỉnh các yếu tố suy giảm	14,994,346	5,323,604,543
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	57,680,000	57,680,000
- Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đã điều chỉnh các yếu tố suy giảm	57,680,000	57,680,000
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	0	92

15/4
 TY
 ĐẦU
 TƯ
 H
 H T

VII. Những thông tin khác

1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc thời kỳ tài chính

Nhóm Công ty không có bất kỳ sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày lập Bảng cân đối kế toán đòi hỏi phải thực hiện những điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

2. Thông tin về các bên liên quan

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BẢO THƯ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2019 đến 30/06/2019

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Cho đến ngày lập bảng cân đối kế toán, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan chủ yếu như sau:

Bên liên quan	Mối liên kết	Số dư	Phải thu / (phải trả)
Bà Nguyễn Thị Mai	Nhà đầu tư	Phải thu khác Phải trả khác	- (1,540,859,553)
Ông Nguyễn Văn Dũng	Chủ tịch HĐQT	Phải trả khác	(435,000,000)

Trong thời kỳ tài chính này, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan chủ yếu sau:

Bên liên quan	Mối liên kết	Nội dung	Số tiền
Ban Giám đốc Công ty		Thu nhập	470,472,000

U & P
HIỆP
TUẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BẢO THỦ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2019 đến 30/06/2019

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)



Lê Thị Thanh Thảo
Người lập biểu



Mai Thị Kim Phượng
Kế toán trưởng



Võ Phú Nông
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 07 năm 2019

T.C.P